CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP

Ngày 30/06/2025	64,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.1%	**-**	**-7.4%**

DT thuần
Q2/25
2,904
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,061| 57.5%
YoY: ▲ 1,748| 151%

LN thuần
Q2/25
1,723
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,347| 358%
YoY: ▲ 1,481| 612%

LN sau thuế
Q2/25
1,481
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,115| 305%
YoY: ▲ 1,194| 416%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
71.2%
YoY: +/-▲ 35.2%

ROE (TTM)
Q2/25
17.1%
YoY: +/-▲ 5.5%

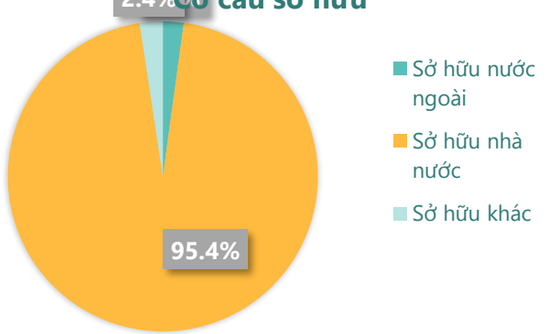
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	52,000 - 81,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	66,447
Số lượng CPLH (CP)	1,035,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	512,705
Sở hữu nước ngoài	2.2%
Beta	1.12
EPS	3,428
P/E	18.7

DT thuần
6T 2025
4,746
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2,778| 141%

LN thuần
6T 2025
2,098
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,732| 474%

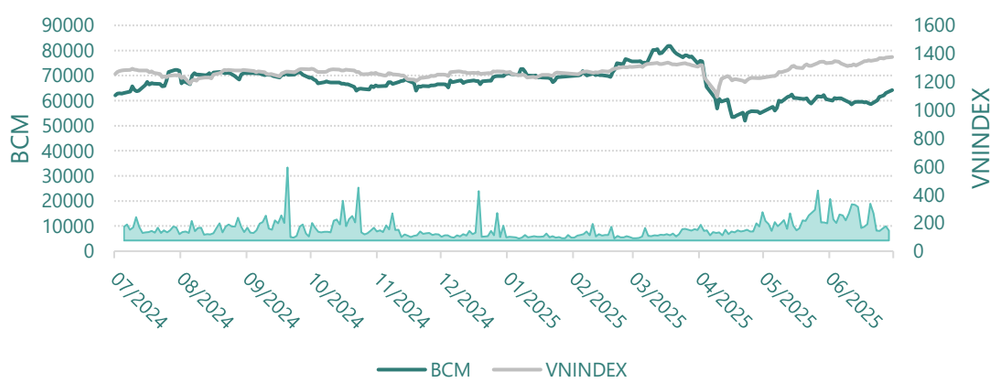
LN sau thuế
6T 2025
1,847
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,441| 354%

Cơ cấu sở hữu

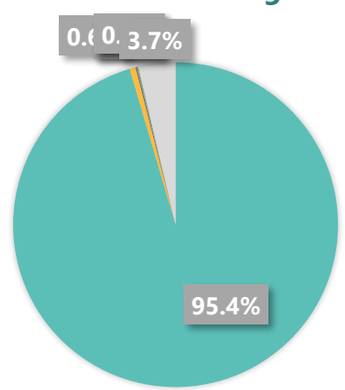


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

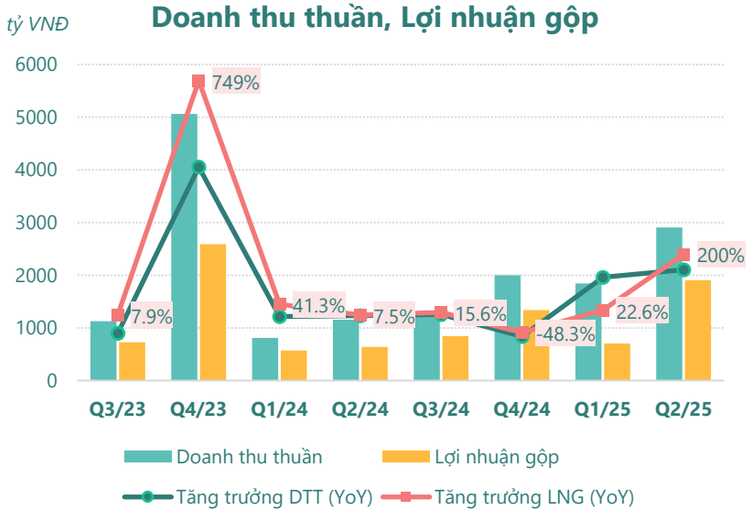


- UBND Tỉnh Bình Dương
- Nguyễn Văn Hùng (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Phú Thịnh (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Phạm Ngọc Thuận (Thành viên HĐQT)
- Giang Quốc Dũng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

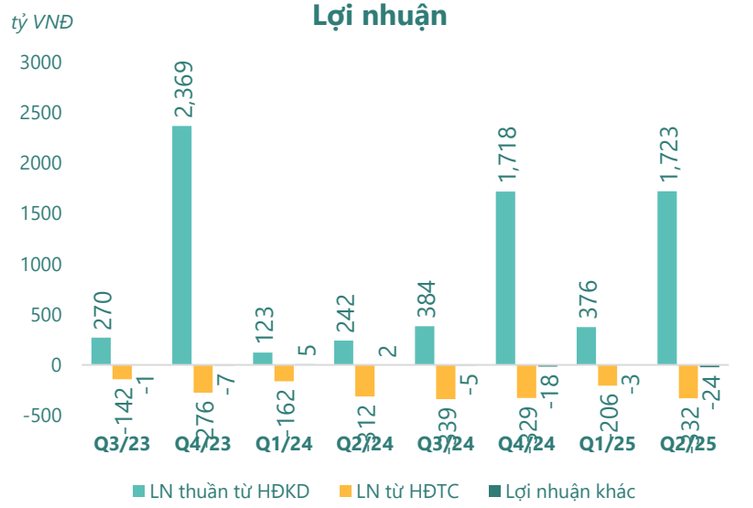
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



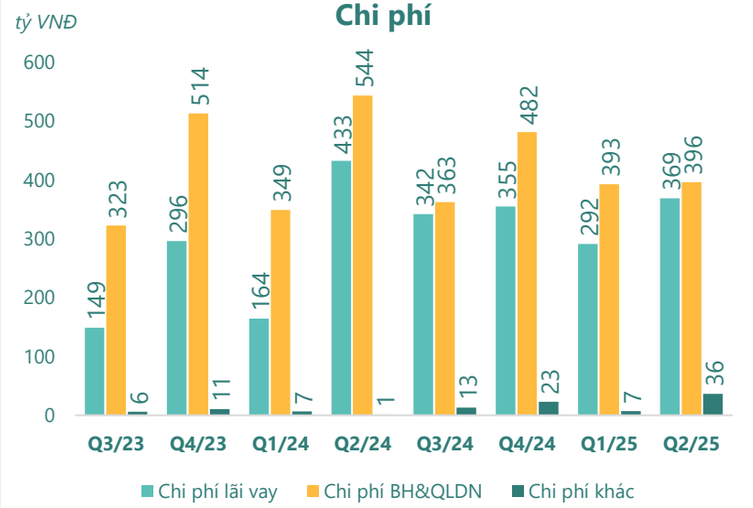
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



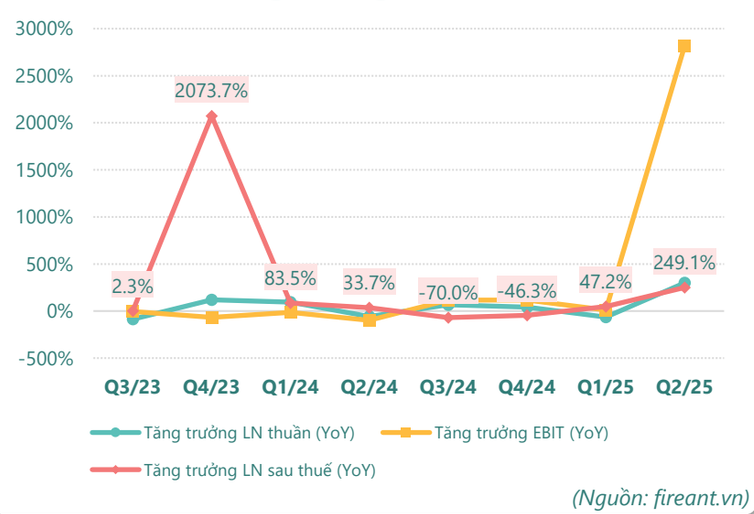
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



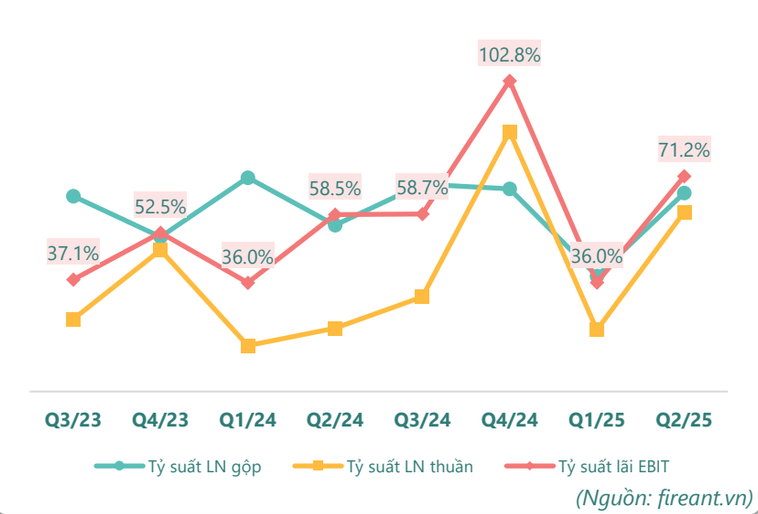
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

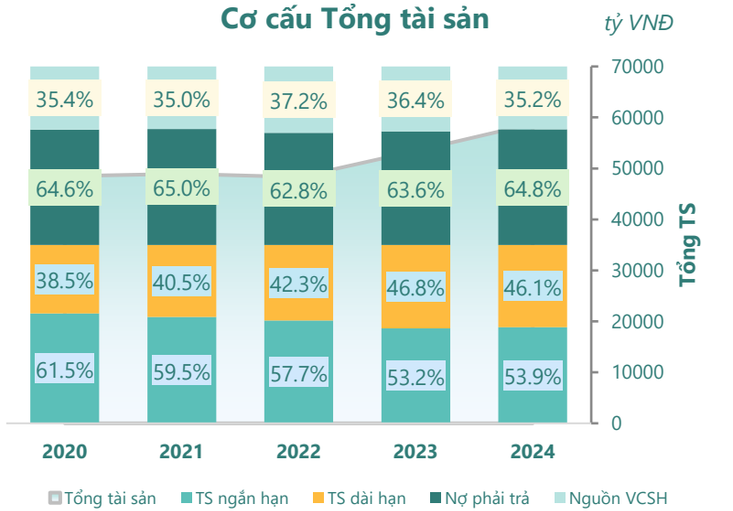
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

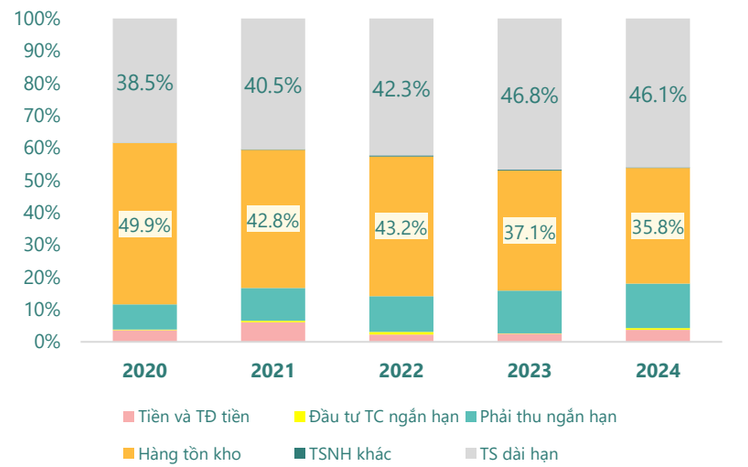
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



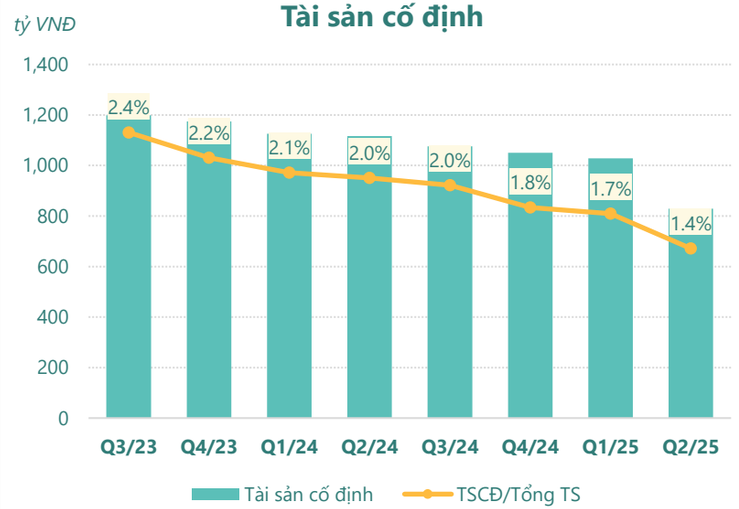
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



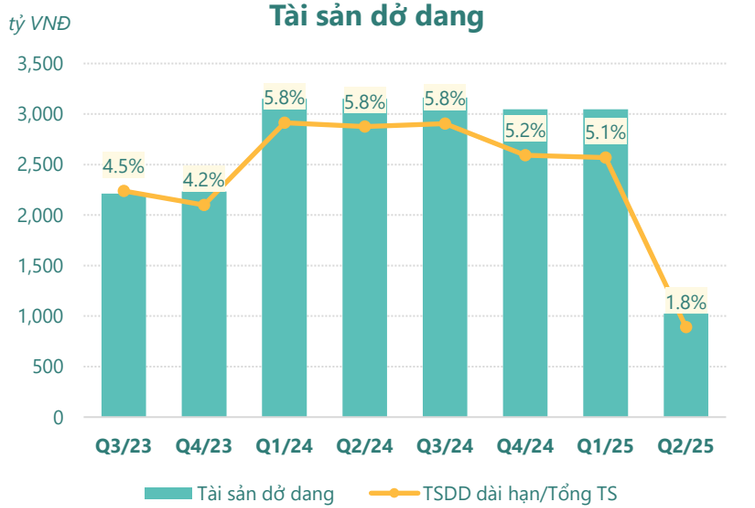
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



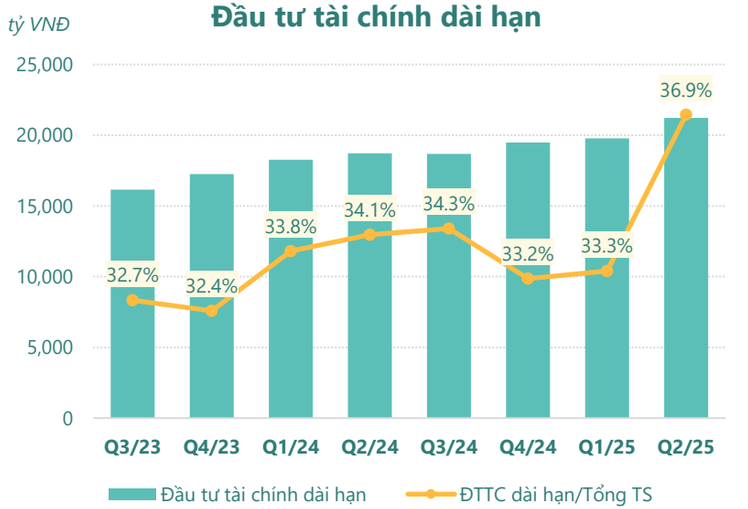
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



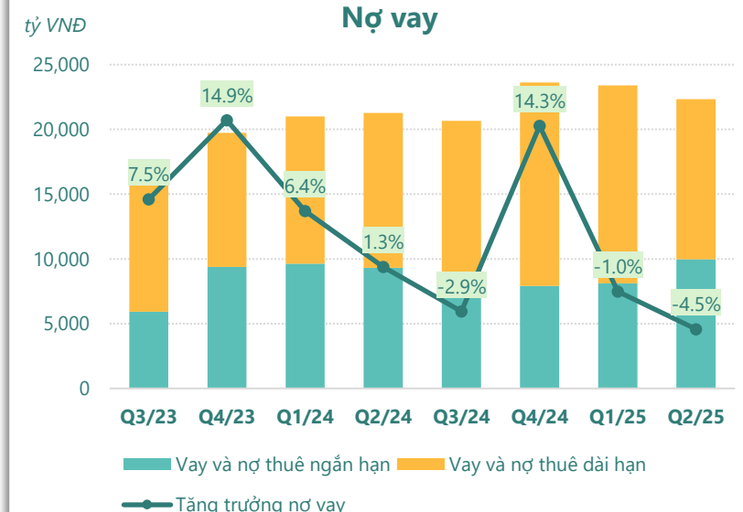
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

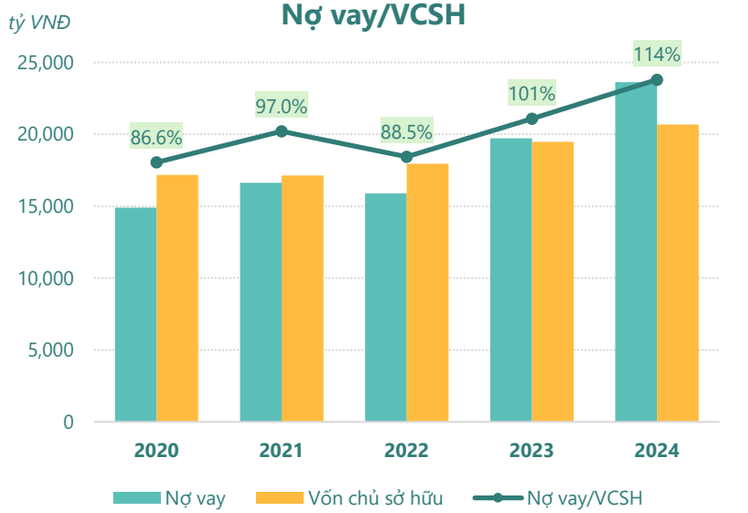
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

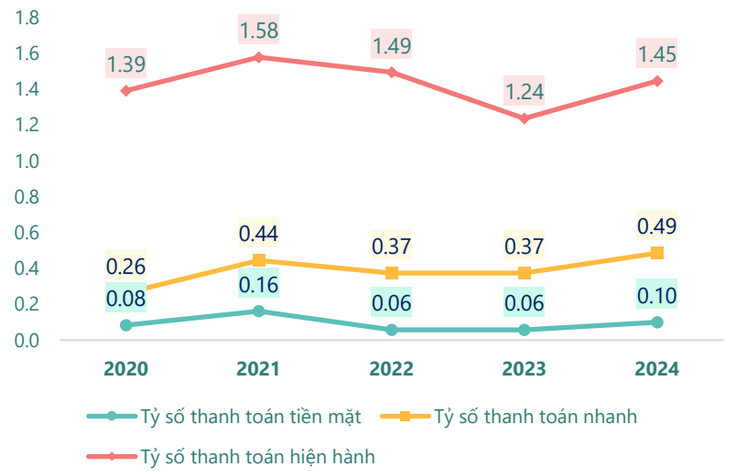
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



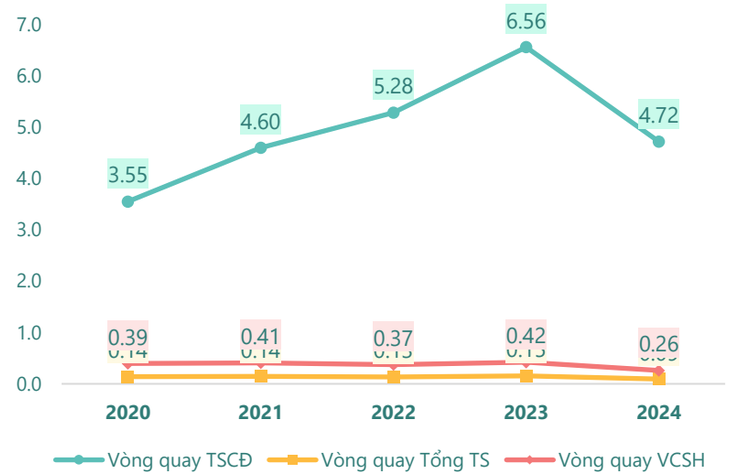
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



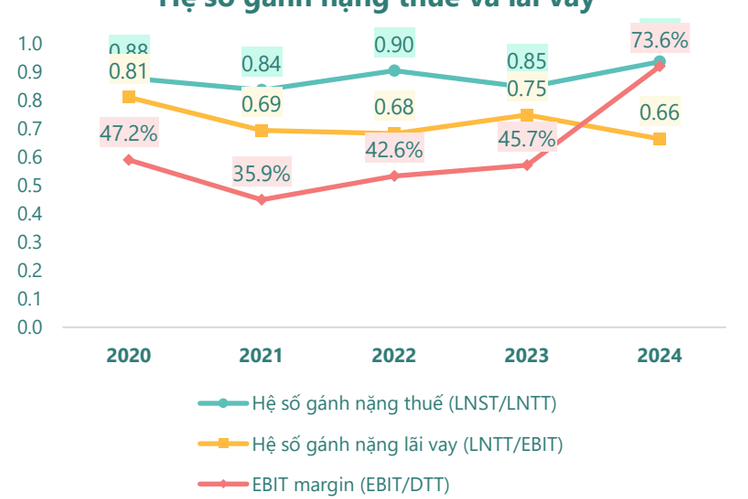
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



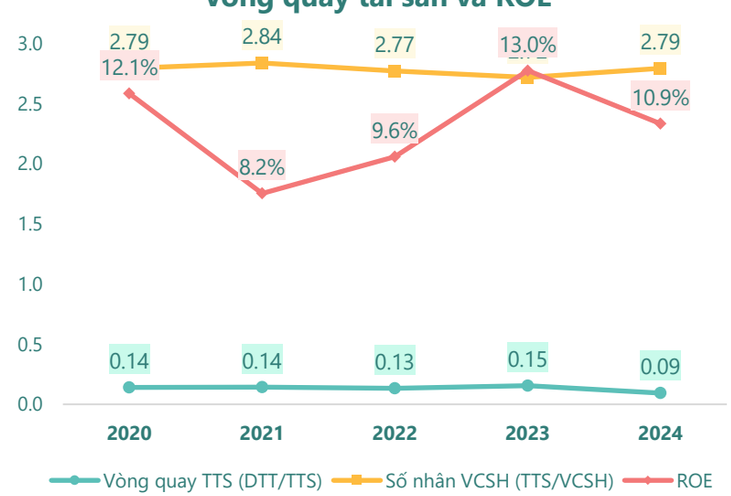
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



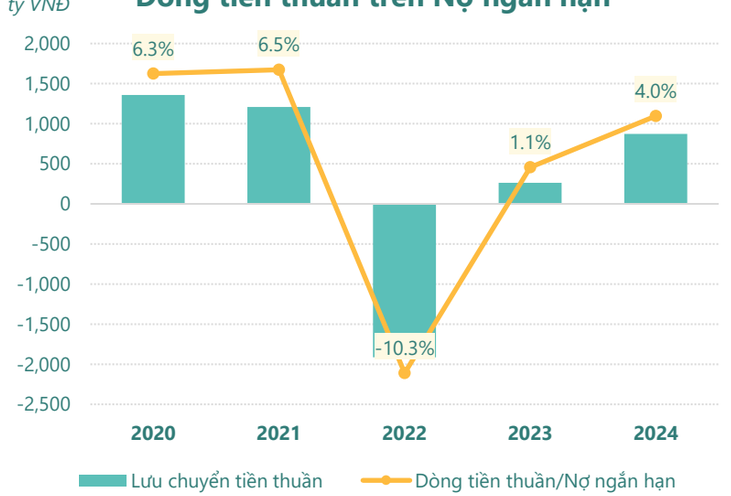
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,904**	**1,156**	**151%**	**4,746**	**1,968**	**141%**
Giá vốn hàng bán	996	520	91.5%	2,134	757	182%
Lợi nhuận gộp	1,908	636	200%	2,612	1,210	116%
Doanh thu HĐTC	50.7	135	-62.5%	153	138	10.5%
Chi phí TC	383	448	-14.5%	691	612	13.0%
Chi phí lãi vay	369	433	-14.7%	661	597	10.7%
LN trong công ty LKLD	**543**	**463**	**17.4%**	**815**	**522**	**56.0%**
Chi phí bán hàng	261	322	-18.9%	518	525	-1.4%
Chi phí QLDN	**135**	**222**	**-39.1%**	**272**	**368**	**-26.1%**
LN thuần từ HĐKD	1,723	242	612%	2,098	366	474%
Lợi nhuận khác	**-24.4**	**1.75**	**-1496%**	**-27.7**	**6.31**	**-540%**
LN trước thuế	1,698	244	596%	2,071	372	457%
Lợi nhuận sau thuế	**1,481**	**287**	**416%**	**1,847**	**406**	**354%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1,476**	**273**	**441%**	**1,834**	**391**	**368%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	876	-374	-1,060	-219	-737	1,157
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1,031	-229	216	-114	-186	-273
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,303	220	-589	1,880	-266	934
Tiền đầu kỳ	1,332	2,480	2,096	663	2,205	1,015
Lưu chuyển tiền thuần	**1,148**	**-384**	**-1,433**	**1,547**	**-1,190**	**1,818**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.02	0	0
Tiền cuối kỳ	2,480	2,096	663	2,210	1,015	2,833

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**57,597**	**58,781**	**-2.0%**
Tài sản ngắn hạn	31,548	31,704	-0.5%
Tiền và tương đương tiền	2,833	2,205	28.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	299	300	-0.4%
Phải thu ngắn hạn	7,087	8,064	-12.1%
Hàng tồn kho	21,296	21,055	1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	33.2	80.4	-58.8%
Tài sản dài hạn	**26,049**	**27,077**	**-3.8%**
Phải thu dài hạn	0	413	-100%
Tài sản cố định	828	1,062	-22.0%
Bất động sản đầu tư	2,609	2,662	-2.0%
Tài sản dở dang	1,025	3,046	-66.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	21,231	19,493	8.9%
Tài sản dài hạn khác	**354**	**400**	**-11.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	35,874	38,102	-5.8%
Nợ ngắn hạn	**22,463**	**21,930**	**2.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9,962	8,444	18.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	340	575	-40.9%
Nợ dài hạn	13,410	16,172	-17.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	12,370	15,184	-18.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**21,723**	**20,679**	**5.0%**
Vốn chủ sở hữu	**21,723**	**20,679**	**5.0%**
Vốn điều lệ	10,350	10,350	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)